



DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.089

## HOẠT ĐỘNG KHUYẾN HỌC CỦA LÀNG XÃ VIỆT THẾ KỶ XVII - XVIII QUA TƯ LIỆU HƯƠNG ƯỚC CHỮ HÁN

Đỗ Thị Hà Thơ\*

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Đỗ Thị Hà Thơ (email: dththo@ctu.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 15/01/2023

Ngày nhận bài sửa: 06/03/2023

Ngày duyệt đăng: 15/03/2023

### Title:

Study promotion activities of Vietnamese villages in the 17th - 18th centuries through documents of village regulation Chinese characters

### Từ khóa:

Giáo dục làng xã, hoạt động khuyến học, hương ước, khuyến học, thế kỷ XVII - XVIII

### Keywords:

Folk education, study promotion, study promotion activities, the 17th - 18th centuries, village regulation

### ABSTRACT

Education in traditional feudal society in Vietnam combines two forms: folk education and government-state education from the fact that a survey of documents of village regulation Chinese characters in 17<sup>th</sup> - 18<sup>th</sup> centuries of Vietnam shows that education is very focused in the village. The village was given a lot of favor and created all conditions for all children to study and achieve. Those achievers are not only honored by the villagers in the place of office but also considered a source of glory for the family and the homeland. The article's research results provide a comprehensive view of the learning promotion activities of Vietnamese villages at an eventful period in the country's history, having trained the famous Confucian masters and save history books. These study promotion activities help contemporary people to have a basis for "study the past and thinking the present" the village's position, role, and educational methods for the "education and training of people" in the 4.0 era.

### TÓM TẮT

Việc giáo dục trong xã hội phong kiến truyền thống Việt Nam kết hợp hai hình thức: Giáo dục dân gian và giáo dục nhà nước. Thực tế khảo sát tư liệu hương ước chữ Hán thế kỷ XVII - XVIII của Việt Nam cho thấy, nền giáo dục rất được chú trọng ở cấp làng xã. Làng xã dành nhiều ưu ái và tạo mọi điều kiện để tất cả con em trong làng có thể học hành và đạt thành tựu. Người đỗ đạt không những được dân làng dựng bia vinh danh thiết trí ở nơi vắng vẻ mà còn được coi là nguồn nguyên khí làm rạng danh cho cả dòng họ và quê hương. Kết quả nghiên cứu của bài viết cung cấp một cách nhìn toàn diện về hoạt động khuyến học của làng xã Việt Nam vào giai đoạn đầy biến cố trong lịch sử nước nhà, đã đào tạo nên những bậc túc Nho lưu danh cùng sử sách. Những hoạt động khuyến học này giúp người đương đại có cơ sở để "nghiệm cổ suy kim" về vị trí, vai trò của làng xã đối với công cuộc "thụ nhân" thời đại 4.0.

## 1. GIỚI THIỆU

Khi Nho giáo Trung Quốc du nhập vào các nước láng giềng, đã kết hợp với các yếu tố bản địa để cùng nhập cuộc vào công cuộc trị bình thiên hạ, đó cũng là lúc những giá trị về luân lý đạo đức, cương thường

xã hội phát huy hết những khả năng đặc biệt giúp con người "đỉnh thiên lập địa". Thoát thai từ những điều kiện xã hội cụ thể, không chỉ Nhật Bản, Triều Tiên mà ngay cả Việt Nam, công cuộc giáo dục con người phản ánh rõ rệt những ảnh hưởng của Nho giáo qua từng điều lệ cụ thể của hương ước. Nhất là

chính sách coi trọng Nho sĩ của triều đình đã thổi luồng gió mới vào hệ thống giáo dục và nhịp sống xã hội. Theo đó ở các làng xã, chính sách khuyến học đã tạo đà tăng trưởng khá nhanh cho tầng lớp này. Hương ước nhiều làng đưa ra nhiều ưu đãi, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con em làng mình dốc sức vào công cuộc “mài ngọc” nhằm khẳng định trình độ và địa vị bản thân. Ở những đơn vị tự cư thuần nông, tinh thần 貴爵尊賢重儒崇學 quý tước tôn hiền, trọng Nho sùng học thực sự đã chuyển tải một cách chân thực nhất yêu cầu cần kíp của xã hội để đào tạo nên những con người lý tưởng cho làng xã. Chính hoạt động khuyến học của làng xã đã thúc đẩy việc học hành và thi cử, góp phần hình thành truyền thống khoa bảng và hiếu học trong cả nước. Như vậy, từ một vấn đề lớn của mọi thời đại, hoạt động khuyến học được lồng vào quy điều hương ước càng giúp in sâu trong nếp nghĩ của cộng đồng, nhờ vậy nó càng mang nhiều giá trị tinh thần. Điều này thêm một lần nữa nhận được sự cổ sủng của nhà nước phong kiến đương thời, trở thành sách lược nhân tâm để giữ gìn và chấn chỉnh phong hóa trong buổi giao thời.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết thu thập các văn bản hương ước chữ Hán thế kỷ XVII - XVIII của Việt Nam được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm cùng các công trình dịch thuật hương ước. Trên cơ sở tiến hành phiên dịch, chú thích, thống kê và định lượng các quy điều hương ước kết hợp với các nghiên cứu về tục lệ làng xã Việt, bài viết phân tích, mô tả, tổng hợp và nhận định các vấn đề liên quan đến nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát về hương ước chữ Hán Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII

Hương ước Việt Nam vốn có nguồn gốc từ lệ thề, tục thề hay hội thề của người Việt xưa. Về sau, những tục thề này được văn bản hóa với các tên gọi như: *hương lệ, tục lệ, khoán lệ, khoán ước, cưu khoán, phong tục...* Theo sử liệu, lệ làng thành văn đã xuất hiện muộn nhất vào thế kỷ XV, khi xã trở thành đơn vị hành chính cấp cơ sở và việc can thiệp vào những tổ chức này được triều đình xúc tiến chặt chẽ. Bộ *Quốc triều hình luật* còn gọi là *Luật Hồng Đức* được ban bố dưới thời vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497) càng khẳng định cho việc xúc tiến và hoàn thiện quá trình văn bản hóa tục lệ làng xã người Việt. Cụ thể bộ *Luật Hồng Đức* đã ghi lại đạo dụ của vua Lê Thánh Tông về việc biên soạn và thực thi hương ước như sau:

“- Các làng xã không nên có Khoán ước riêng vì đã có pháp luật chung của Nhà nước;

- Làng nào có phong tục khác lạ thì có thể cho lập khoán ước;

- Những người thảo ra hương ước phải là người có trình độ Nho học, có đức hạnh, có chức phận chính thức, có tuổi tác;

- Khoán ước thảo xong phải được quan trên kiểm duyệt cho phép hoặc bãi bỏ;

- Khi Khoán ước đã cho phép áp dụng, ai không tuân thủ theo quan trên sẽ trị tội” (Tiết, 1998, tr. 56 – 57).

Từ thế kỷ XVII trở đi, hương ước được văn bản hóa phát triển mạnh mẽ hơn. Nhưng hiện nay, trên thực tế, bản hương ước cổ nhất được tìm thấy là vào thế kỷ XVII, bản *Tương Trúc, Tự Khoát nhị xã phong tục* soạn vào năm Đức Long thứ 5 (1633).

Ở Việt Nam, giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII được xem là “kỷ nguyên” của hương ước, “kỷ nguyên” tái biên soạn tục lệ cổ truyền làng xã. Văn bản hương ước chữ Hán thế kỷ XVII - XVIII của Việt Nam có tổng cộng 216 bản (46 bản thế kỷ XVII, 170 bản thế kỷ XVIII), thuộc 15 tỉnh thành phân bố từ Nghệ An trở ra Bắc. Hiện nay, văn bản hương ước chữ Hán ở Việt Nam chủ yếu là bản chép tay, được tập hợp, nhân bản đóng thành quyển và được xếp theo đơn vị hành chính thời Nguyễn, chủ yếu lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Qua khảo cứu các công trình thuộc mảng tài liệu dịch thuật đã xuất bản, chúng tôi thống kê có 03 văn bản hương ước lưu tại địa phương.

Hương ước Việt giai đoạn này đều do làng xã tự soạn thảo dựa trên định hướng của nhà nước phong kiến và hệ tư tưởng Nho giáo, hoàn toàn không đối lập với pháp luật nhà nước đương thời. Cấu trúc đầy đủ của bản hương ước gồm các phần:

- Đơn vị hành chính địa phương
- Tên và chức danh những người tham gia lập hương ước
- Lý do lập hương ước
- Nội dung các quy điều cần tuân thủ
- Ngày tháng năm lập hoặc năm sao chép
- Họ tên, chức vị và chữ ký của quan viên, hương lão

Tuy nhiên, không phải bản hương ước nào cũng bao gồm đầy đủ các phần trên.

Văn bản hương ước chữ Hán Việt Nam không có tác giả cụ thể mà do tập thể quan viên, chức sắc

làng xã họp bàn, soạn thảo ra. Vì vậy hầu như khi mở đầu các bản hương ước, làng xã đều thống nhất liệt kê bảng danh sách tên người tham gia với đầy đủ tước vị đi kèm. Điểm đặc biệt, văn bản hương ước Việt giai đoạn này đều không xuất hiện dấu vết phê duyệt của chính quyền cấp trên, song với hệ thống học vị, chức danh những người tham gia lập hương ước như Cử nhân, Sinh đồ, Ân sứ, Đồ sứ, Đề lại... đã gián tiếp cho thấy uy quyền của vua hay phép nước. Như vậy, dù trực tiếp hay gián tiếp, phép nước đã công nhận quyền hạn cũng như hiệu quả quản lý của hương ước đối với việc duy trì và ổn định trật tự xã hội, đồng thời hỗ trợ và khích lệ cho việc thực thi hương ước ở làng xã bấy giờ.

Điều đáng lưu ý là một văn bản hương ước ra đời luôn đi kèm với nó là yêu cầu bổ sung sửa đổi, được xem như nhu cầu tự thân vận động làng xã. Vì vậy, văn bản hương ước Việt Nam không có niên đại cụ thể. Kết quả khảo sát cho thấy, bản hương ước được tục biên đầu tiên là bản *Dương Liễu xã khoán ước* (Hà Đông) soạn năm Cảnh Trị thứ 6 (1668), bản hương ước được tục biên nhiều lần nhất giai đoạn này là bản *Quyển Đồi thôn hương ước* (Nghệ An) soạn năm Dương Hòa thứ 4 (1636) với 25 lần sửa đổi vào niên đại Cảnh Trị (1 lần), Chính Hòa (4 lần), Vĩnh Thịnh (1 lần), Bảo Thái (2 lần), Cảnh Hưng (16 lần) và Cảnh Thịnh (1 lần).

Với việc kế thừa những quy điều cũ dựa trên tập quán của nền tảng đạo đức, những lần điều chỉnh như thế đều nhằm bảo vệ quyền lợi dân làng trước những đòi hỏi đa dạng của điều kiện thực tế. Mặc dù tiếp thu sâu sắc tư tưởng của Nho giáo, nhưng hương ước Việt không bị ảnh hưởng bởi bản *Lam Điền Lã thị hương ước* của Trung Quốc. Về cơ bản, cấu trúc của *Lam Điền Lã thị hương ước* gồm bốn mục chính: *Đức nghiệp tương khuyến, quá thất tương quy, lễ tục tương giao, hoạn nạn tương tuất*

Văn bản hương ước Việt Nam không theo nguyên mẫu, thay vào đó là những nội dung do chính làng xã đặt ra. Nội dung hương ước Việt bao quát tất cả các mặt của đời sống làng xã. Chính vì vậy, hương ước giai đoạn này trở thành nguồn tư liệu quý cho giới nghiên cứu tiến hành nghiên cứu, so sánh hương ước ở giai đoạn sau trong diễn trình phát triển tục lệ làng xã Việt, góp phần xây dựng làng văn hóa thời hiện đại trên nền tảng của làng văn hóa cổ truyền.

### 3.2. Các quy định về hoạt động khuyến học của làng xã Việt

Trong hoàn cảnh xã hội cục bộ và phân tán giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII, làng xã Việt phải tự thân

vận động để con em trong làng đều có cơ hội “dùi mài kinh sử”. Chính sách trọng dụng Nho sĩ và việc tổ chức chế độ khoa cử Nho học để tuyển chọn người tài của triều đình được duy trì tổ chức theo lệ định đã tác động rất lớn đến quy định khuyến học của làng xã. Từ việc góp nhặt thông tin các quy điều nằm rải rác ở các bản hương ước chữ Hán giai đoạn này, bài viết tiến hành thống kê, định lượng, phân tích để cung cấp cái nhìn toàn diện về hoạt động khuyến học của làng xã Việt. Chính những quy định này không những đã giúp làng xã đào tạo nên những nhà khoa bảng ưu tú, tạo được tâm lý sùng học trong dân mà còn trở thành chỗ dựa vững chắc cứu cánh cho nền giáo dục và khoa cử nước nhà trong buổi chuyển đổi thời đại. Về cơ bản, các hoạt động khuyến học của làng xã gồm:

#### 3.2.1. Sử dụng, thưởng/ biếu ruộng lộc, tiền và các vật phẩm khác

Thế kỷ XVII, nhiều làng Việt chưa đưa ra các quy định ưu ái hương/ biếu ruộng cho người đi học và người đỗ đạt, tuy nhiên lại quy định chặt chẽ trách nhiệm nộp khao của người đỗ đạt như bản *Vân Nhung xã khoán ước* (Thanh Hóa) soạn năm Cảnh Trị thứ 3 (1665), *Dương Liễu xã khoán ước* (Sơn Tây) lập năm Cảnh Trị thứ 6 (1668), ngay cả làng khoa bảng Mộ Trạch trong bản *Danh hương khoán lệ* (Hải Dương) soạn năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) mới chỉ có thêm quy định về cỗ mừng đón người đỗ đạt.

Sang thế kỷ XVIII, quy định về việc sử dụng, thưởng/ biếu ruộng được ghi chép rất cẩn thận và rõ ràng hơn. Xuất phát từ nhận thức đề cao chữ nghĩa thánh hiền, nhiều làng xã sẽ dựa vào khả năng và tình hình thực tế của địa phương mình để định mức sử dụng, thưởng/ biếu ruộng khác nhau. Một số làng xã điển hình như làng Côi Trì (Ninh Bình) đưa ra lệ định năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), trích ra 1 mẫu 5 sào ruộng công của làng để làm ruộng học điền. Số ruộng này được giao cho gia đình người đi học cày cấy, lấy huê lợi để trả công cho thầy và tu sửa lớp học.

Đến khi đỗ đạt, họ được nhận thêm phần ruộng lộc của làng, như bản *Hậu Trạch xã tục lệ* (Sơn Tây) soạn năm Quang Trung thứ 2 (1789) đưa ra quy định khích lệ bằng cách biếu ruộng đất cho người đỗ đạt như sau:

Nguyên văn: 本社舉保田自監生以上每員二高; 儒生,生徒四高同與均分; 官員二堂三高同與均分; 上老自七十以上三高在廟處同與均分。

Nghĩa là: Bản xã cử biếu ruộng từ hàng Giám sinh trở lên mỗi vị 2 sào; Nho sinh, Sinh đồ 4 sào

cùng nhau chia đều; quan viên mỗi vị 3 sào, chia cho thượng lão từ 70 tuổi trở lên 3 sào ở xứ Cửa Miếu.

Bản *La Nội, Ý La xã hương lệ* soạn năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752) đưa ra quy định thưởng chi tiết cho người đồ bên văn, võ:

Bên văn ai trúng Tiên sĩ, bên võ ai trúng Tạo sĩ thì hai xã cùng cung kính đến chúc mừng lợn, rượu chuẩn giá tiền cổ là 3 quan. Lễ mừng cũng như ở điều trên. Bản xã thưởng ruộng tốt mỗi viên 1 mẫu. Ai bên văn võ được dự ban thì bản xã thưởng ruộng lúa tốt mỗi vị 5 sào. Văn trúng sĩ vọng hội thí tam trường, võ trúng bác cử tam trường cùng người xuất thân là quân binh thì bản xã thưởng ruộng tốt mỗi viên 3 sào. Văn trúng hương thí tứ trường, võ trúng sở cử tứ trường thì bản xã thưởng ruộng lúa tốt mỗi vị 2 sào. (Thuần, 2006, tr. 191)

Qua nội dung hương ước cho biết, số ruộng dùng để biếu được trích từ ruộng công của làng xã. Người nhận ruộng sẽ chịu trách nhiệm canh tác và hưởng lợi đến suốt đời. Sau khi mất thì phần ruộng này sẽ chuyển giao lại cho làng, tiếp tục biếu cho những người đồ đạt khác. Ngoài quy định chung, làng La Khê (Hà Đông) còn lập thêm một bản *Văn hội ước* năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786) ghi cụ thể lễ vật mừng cho người đồ đạt theo thứ bậc như sau:

Nguyên văn:

某員預中黃榜其本會賀禮牛壹隻, 歛壹盤, 酒壹擡。賀致仕官禮亦同。

某員職預中肆場者其本會賀酒壹擡, 中解元者賀猪壹隻, 酒壹圩准古錢式貫。

Nghĩa là: Vị nào đỗ bảng vàng thì bản hội sắm lễ chúc mừng gồm: 1 con bò, 1 mâm xôi, 1 gánh rượu. Chúc mừng quan viên chi sĩ cũng giống như thế.

Vị nào thi Hương đỗ tứ trường, bản hội lễ mừng 1 gánh rượu, trúng giải nguyên lễ mừng 1 con lợn, 1 vò rượu đáng giá 2 quan tiền cổ (Nhí, 2010, tr. 75).

Tuy nhiên để nhận được ruộng lộc, tiền và phần vật chất mừng tặng (trống văn, trâu, rượu, thịt...), người đồ đạt phải đáp ứng điều kiện khao vọng của làng. Xem xét các bản hương ước giai đoạn này, chúng tôi thấy tục lệ xã Quần Lương lập năm Chiêu Thống thứ 1 (1787) đưa ra hàng loạt quy định song hành biếu ruộng cho Nho sĩ, người đồ đạt bên văn và võ như sau:

Giao ước: Vị nào văn từ hàng Tú tài, võ từ hàng Cai đội trở xuống lệ khao vọng của họ xét theo thứ tự lượng giảm. Nghi thức chúc mừng, biếu ruộng

cũng theo cao thấp tăng giảm cho có sự khác biệt. Nay đặt giao ước.

Giao ước: Trong xã vị nào đỗ Cử nhân kính nộp vọng 2 con lợn, 2 mâm xôi, 100 khẩu trâu, 2 vò rượu đưa đến đình lễ thần kính dân xin nộp lệ. Bản xã mừng một đôi câu đối [bằng lụa đỏ], 50 quan tiền xanh, 8 gói trà, 1 bánh pháo, 1 buồng cau, lại biếu cho 2 mẫu ruộng hưởng đến già; tô thuế ruộng này dân chia nhau chịu. Đến trăm tuổi dân cùng nhau lo hậu sự, sau bản xã đến viếng một đôi câu đối [bằng lụa trắng] cùng hương dầu. Phần ruộng sẽ hoàn trả lại cho bản xã. Nay đặt giao ước.

Giao ước: Trong xã vị nào đỗ Tạo sĩ, Võ cử theo lệ có khao vọng và khánh điệu. Lệ có biếu ruộng nhưng so với Tiên sĩ, Phó bảng đồng khoa ít hơn một chút, số tiền mừng cũng vậy để thể hiện sự khác biệt giữa văn và võ. Nay đặt giao ước.

Giao ước: Trong xã vị nào đỗ Phó bảng chinh biện 2 con lợn, 2 mâm xôi, 3 vò rượu cùng trâu đưa đến đình yết thần kính dân. Khao vọng xong, toàn dân xã biện một bức trống, 100 quan tiền xanh đến mừng, lại biếu cho 1 mẫu 7 sào ruộng, người đó nhận canh tác và chịu tô thuế suốt đời. Đến trăm tuổi dân cùng nhau lo hậu sự, sau bản xã đến viếng như lệ Tiên sĩ. Nay đặt giao ước.

Giao ước: Vị nào văn đỗ Tiên sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Tú tài; võ đỗ Tạo sĩ, Võ cử, Suất đội, Đội trưởng và có ban phẩm ngự thì lệ khao vọng có khác nhau. Đỗ Tiên sĩ chinh biện 2 con lợn, 5 mâm ngũ cốc đầy, 5 bình rượu cùng trâu đưa đến đình yết thần kính dân theo lệ. Bản xã mừng cho 1 bức trống văn, 200 quan tiền, lại biếu cho 3 mẫu ruộng ăn lộc suốt đời, tô thuế dân chia nhau chịu. Đến trăm tuổi, toàn dân đến viếng trống văn, 2 con lợn, 2 mâm xôi, 200 khẩu trâu, 1 bình rượu. Ruộng lộc hoàn lại cho dân chuyển biếu người khác. Nay đặt giao ước (Thor, 2021, tr. 621 - 622).

Qua những quy điều kê trên, người nào thi đỗ càng cao thì được hưởng vật chất càng lớn. Cách làm này có tác động khuyến khích các nhân sĩ của làng tập trung học tập và ra sức nơi trường ốc. Tựu trung, đối với hai ngạch đào tạo trong nền giáo dục khoa cử nước nhà giai đoạn này, hương ước nhiều làng đều mừng thưởng cho người đồ ngạch văn và người đồ ngạch võ. Chỉ có điều người đồ ngạch văn được mừng thưởng cao hơn người đồ ngạch võ. Điều đó đồng nghĩa với việc người xuất thân ngạch văn được xem trọng hơn người xuất thân ngạch võ. Nhiều làng lập ra hội Tư văn nhưng rất ít/hiếm làng xuất hiện hội Tư võ. Đây cũng là điều thường thấy đối với hoạt động khuyến học của làng xã Việt bấy giờ.

### 3.2.2. Miễn sưu sai tạp dịch

Với hệ thống văn bài và cách thức tổ chức thi cử đương thời, muốn đỗ đạt, người học phải đầu tư rất nhiều thời gian và công sức. Vì vậy, nhiều làng đã đặt ra nhiều quy định ưu ái để con em làng mình không bị gián đoạn việc học. Trong đó, miễn sưu sai tạp dịch là một trong số biện pháp giúp đỡ giảm tải gánh nặng để người học miệt mài đèn sách. Bản *Văn Nhung xã khoán ước* (Thanh Hóa) soạn năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) cho hay: “Các nhân sĩ trong xã nếu ai thông văn học hoặc thi trúng hạng ưu, thực có tài thì bản xã cho làm Xã nhiều, được miễn binh dịch. Làm như vậy để chấn hưng văn học và tôn vinh khoa trường” (Thuần, 2006, tr. 757).

Sang thế kỷ XVIII, nhiều làng tiếp tục đưa ra ưu ái miễn lao dịch cho người đi học, như bản *Đồng Thủy xã tục lệ* (Hà Nam) soạn năm Vĩnh Thịnh thứ 1 (1705) quy định:

Nguyên văn: 以文學爲重。村内何人年到十八歲以上而有去從學者宜下芟菑一百口出呈。本村以學確，係寔學本村应除伊名搜役各款。

Nghĩa là: Văn học là trọng. Trong thôn, người nào tuổi từ 18 trở lên theo học văn chương nên biện 100 khẩu trâu đến trình thôn. Bản thôn lấy việc học xem xét, quả đúng như vậy bản thôn nên xóa tên người đó ra khỏi các khoản sưu dịch.

Bản *Đồng Phù Liệt xã tục lệ* (Hà Đông) lập năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) cho hay:

Nguyên văn: 條社內何人年拾捌確寔學行於正月十式日整辦芟菑陸拾口詳與本社其巡店，雜役順酌以至激勸。

Nghĩa là: Trong xã người nào đến 18 tuổi đang đeo đuổi con đường học vấn thì vào ngày 12 tháng Giêng nên biện lễ gồm 60 miếng trâu trình bày rõ với quan viên trong xã thì sẽ được miễn các việc lao dịch, tuân phòng để tỏ lòng khuyến khích việc học.

*Phát Lộc xã tục lệ* (Thái Bình) lập năm Bảo Thái thứ 7 (1726) kê cứu:

Nguyên văn: 例某有子孫至歲入簿，或自幼猶學于孔門，或長始尋師受業不拘稍通文辭。本社如有公役重事一皆並酌以振文風。

Nghĩa là: Lệ rằng người nào có con cháu đến tuổi vào sổ bạ, hoặc già từ nhỏ đã theo học cửa Khổng, hoặc già trưởng thành bắt đầu tìm thầy thụ nghiệp thì không bị bó buộc theo quy ước này. Nếu bản xã có công dịch hay việc quan trọng gì nhất nhất đều được châm chước nhằm chấn chỉnh văn phong.

*Quần Lương xã tục lệ* (Nam Định) lập năm Chiêu Thống thứ 1 (1787) giao ước: “Trong xã lấy văn học làm trọng. Hễ người nào đến 20 tuổi đã vào hương âm rồi nên theo thầy thụ nghiệp. Khi học phải cố gắng chuyên cần, các việc lao dịch trong xã đều được châm chước. Nếu ai đi học bữa có bữa không không theo lệ này.” (Thor, 2021, tr.635).

Khi Nho giáo trở thành hệ tư tưởng thống trị, ảnh hưởng sâu sắc đến hệ thống giáo dục và khoa cử nước nhà, bên cạnh những chính sách của nhà nước quân chủ, những quy định của hương ước nhanh chóng đưa ra những giải pháp có lợi cho tình hình giáo dục, cố gắng dung hòa quyền lợi và nghĩa vụ để vừa khuyến khích vừa ràng buộc trách nhiệm đối với người theo nghiệp văn hoặc võ. Thời gian đăng lính thường từ 4 đến 6 năm hoặc 10 năm hoặc nhiều hơn nữa theo định lệ của nhà nước. Theo đó, những tráng đinh trong làng đến tuổi đăng lính sẽ được làng hỗ trợ xem xét gia cảnh để chọn. Hương ước làng Việt giai đoạn này quy định đối tượng đi lính là toàn bộ trai đinh trong làng chiếu theo sổ đinh, nhưng phải chọn ở những gia đình có nhiều đinh, còn gia đình độc đinh thì được miễn để lo hương khói và phụng dưỡng cha mẹ. Đến khi mãn hạn về làng, nếu là người có công trong quân ngũ thì được vào hàng quan viên của làng, được ngồi ngang hàng với các Nho sĩ trong những kỳ lễ hội của làng và được nhận phần biểu hậu.

Trong *Vĩnh Quân thôn tục lệ* (Thanh Hóa) lập năm Dương Hòa thứ 7 (1641) có kê:

Nguyên văn: 條：本村係某人至次受兵應務。本村擇替應至三十二歲。再回受役與民。如衣帽例錢本村許每名古錢四貫，以爲常例。

Nghĩa là: Điều lệ: Bản thôn hễ người nào đến lượt sung quân thì ra nhập ngũ. Đến 32 tuổi bản thôn chọn người khác thay tên. Khi trở về cùng chịu lao dịch với dân. Còn lệ tiền quần áo, mũ mào bản thôn cho mỗi người 4 quan tiền cổ, lập làm lệ thường.

Tương tự như vậy, tục lệ xã Đồng Thủy cũng viết:

Nguyên văn: 何係爲兵限六年爲一課並無遜頁滿例回民並 除伊名徭役。

Nghĩa là: Người nào sung quân hạn được 1 khóa 6 năm không bỏ trốn đến khi mãn hạn trở về sẽ được xóa tên trong sổ lao dịch.

Nhờ ưu ái thiết thực này mà dọc khắp các làng xã xưa, tuyệt nhiên không có hiện tượng đào ngũ trốn lính. Với những răn trùng nghiêm khắc những kẻ tham sống sợ chết, thích nhàn dật lo ẩn lậu cho mình

bắt người khác đi thay, hương ước giáo dục người dân ý thức cộng đồng kết hợp với lợi ích chung đã hóa thành ý thức dân tộc cao cả. Trong cuộc chiến bảo vệ tổ quốc, họ thà chết ở sa trường trận mạc chứ không chấp nhận cuộc sống chui rúc làm hổ mặt dòng tộc, làng xóm nên bao giờ họ cũng là người xông pha hăng hái nhất.

### 3.2.3. *Cấp kinh phí cho học sinh mua bút mực học và đi thi*

Căn cứ vào nội dung hương ước, vấn đề này được đề cập tương đối ít. Số ít làng thực sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi về giấy bút và sách vở học tập để giải quyết phần nào khó khăn, giúp con em mình yên tâm “dùi mài kinh sử”. Điển hình bản *Đồng Thủy xã tục lệ* (Hà Nam) soạn năm Vĩnh Thịnh thứ 1 (1705) nêu rõ:

Nguyên văn: 其何人考課者本村許錢五貫。係应试者本村許錢十五貫係至就場应试咱得取錢以為筆紙。其這錢炤取公錢。若未及本村炤補鄉飲所受不得違遲以重文學。茲例。

Nghĩa là: Người nào khảo khóa, bản thôn cấp 5 quan tiền. Người nào ứng thí, bản thôn cấp 15 quan tiền đến trường ứng thí, lấy tiền đó mua giấy bút. Số tiền này trích ra từ công quỹ. Nếu chưa đủ, bản thôn chiếu bổ vào hương âm. Ai được nhận tiền không nên làm trái, trì trệ để thể hiện sự tôn trọng việc học hành. Nay đặt lệ.

Tư liệu hương ước giai đoạn này còn ghi rõ vai trò của làng xã trong việc quản lý và sử dụng nguồn công quỹ của làng. Về cơ bản, nguồn công quỹ được trích từ lệ hương âm, lệ lan giai, lệ khao vọng và tiền xử phạt.

Hình thức trích tiền từ lệ hương âm, lệ lan giai, lệ khao vọng, tiền xử phạt được ghi nhận nhiều nhất trong tất cả các quy định hương ước làng Việt bấy giờ như giao ước xã Quần Lương:

Người nào thi đỗ bên văn từ hàng Cử nhân, bên võ từ hàng Võ cử, sắp biện 1 con lợn, 1 mâm xôi, 100 khẩu trà, 1 bình rượu đưa đến Văn chỉ bái lễ Tiên thánh Tiên hiền. Lễ xong, kính biện cho Văn hội 1 miếng thịt lợn, 1 đĩa xôi. Còn lại bao nhiêu để ở đình toàn dân yến ẩm. Tiên khao vọng 10 quan giao cho Câu đương giữ hoặc giao cho Văn hội để khi có việc công lấy tiền đó mà chi dùng. Nay đặt giao ước.

Trong xã người nào bên văn đỗ Tiến sĩ, bên võ đỗ Tạo sĩ thì kính biện 1 con bò, 5 mâm xôi đưa đến đình làm lễ. Lễ xong, đem lộc kính biếu văn hội, đem đến nhà Câu đương chia đều cho mọi người

cùng nhau ăn uống. Như số tiên khao vọng là 15 quan nên giao cho Câu đương giữ để đến kỳ tế xuân thu toàn xã hội họp lại chiểu theo công việc mà chi dùng để thể hiện sự trọng văn phong. Nay đặt giao ước (Thơ, 2021, tr. 620 - 621).

*Côi Trì thông lệ* (Ninh Bình) năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783) còn đưa ra quy định hỗ trợ: “Khi “người đi thi phải đến miếu (làng Văn) đưa danh bạ ứng thí” thì làng sẽ cấp kinh phí với mức mỗi quyển tiền là 2 mạch” (Viễn, 2018, tr. 26).

Quy định kê trên cho thấy nguồn công quỹ của làng được huy động và vận dụng một cách linh hoạt, phản ánh tính tự trị của làng xã trong bối cảnh rối ren của đất nước. Làng xã đã tự mình xoay chuyển và lo liệu mọi vướng mắc để đảm bảo cho dân làng có cơ hội “vượt vũ môn”, mang hoài bão giúp rập quê hương từ những điều cơ bản nhất.

### 3.2.4. *Tổ chức đón rước người đỗ đạt, làm lễ tổng chung sau khi người đỗ đạt tạ thê*

Bên cạnh những suất ưu đãi về vật chất đã kê trên, để vinh danh những người đỗ đạt, làng xã Việt đương thời còn đưa ra loạt quy định tỏ rõ sự trọng thị đối với người học hành đỗ đạt qua hoạt động đón rước. Theo đó, hòa với những kỳ lễ hội thường niên, bức tranh làng quê Việt được khuấy động thêm với hoạt động thông cáo tin mừng đỗ đạt làng mình với các làng khác. Người đỗ đạt được chào đón một cách long trọng, không chỉ là niềm vui của bản thân, sự vẻ vang của gia tộc mà còn là vinh dự của cả làng. Lễ đón rước được làng chuẩn bị rất chỉnh chu, cùng với các bức trống văn, cờ xí, trống nhạc, cỗ bàn... Tất cả tạo nên một bầu không khí sôi nổi, trang trọng, có tác động rất lớn đối với việc khuyến khích, thúc đẩy con em trong làng quyết tâm học hành để được ghi danh trên bảng vàng.

Bao quát hương ước giai đoạn này, chúng tôi thấy nổi bật lên trên hết là các điều lệ của làng Mộ Trạch (Hải Dương), nơi xuất hiện nhiều dòng họ lớn, liên tiếp có người đỗ đại khoa (Tiến sĩ) và làm quan trong triều nhà Lê suốt mấy thế kỷ liền, đã đưa ra quy định rất chi tiết về việc đón rước người đỗ đạt như điều lệ soạn năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) cho biết: “Viên nào đỗ Tiến sĩ, trúng tuyển vào Đông các thăng trực Quận công, thăng chức Thượng thư, đi sứ trở về, quan về hưu. Các giáp chiểu theo số người trong giáp mà thu tiền gạo để làm cỗ mừng, gồm một con lợn, một hũ rượu đáng giá 6 quan tiền sử, một mâm xôi được nấu bằng 100 cân gạo nếp và chuẩn bị nghi trượng, hương án, cờ lọng, chiêng trống cho mời người đem đến chùa Vô Ngại huyện Đường Hào đón mừng. Các nghi trượng đó đều phải chỉnh

tê, cho được mỹ quan, nêu được thịnh ý” (Thuần, 2006, tr. 452).

Đến năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), làng Mộ Trạch tiếp tục bổ sung thêm điều lệ đón rước người đỗ đạt hàng võ bị: “Những người thi đỗ Tạo sĩ, ngày vinh quy làng làm lễ đón rước, về lễ chúc mừng, lễ đáp lại giống như Tiên sĩ. Và những người dự hàng Cai cơ, Thủ hiệu, Tạo sĩ, Toát thủ được kính nhận sắc mệnh việc đón rước lễ chúc mừng, lễ đáp lại cũng giống như quan tiến triều. Những người quân binh được ban tước bá khi nhận sắc mệnh việc đón rước lễ chúc mừng và lễ đáp lại cũng giống khi được thăng các chức” (Thuần, 2006, tr. 452).

Ở một số làng, việc tổ chức đón rước cũng được kê cứu cẩn thận như điều lệ bản *Phủ Cốc xã khoán ước* (Hà Tây) lập năm Chính Hòa thứ 18 (1697): “Người trong xã được nhận ân mệnh có phẩm hàm, lễ đến ngày hội hương, bản xã ăn mặc quần áo chỉnh tề dự rước về làng làm lễ mừng tỏ ý trọng đạo. Ngày hôm đó, từ thượng lão đến các thứ hạng dưới, mỗi mâm 4 người ăn uống. Nếu cỗ chưa kịp làm thì nạp mỗi cỗ 3 mạch tiền cỗ. Người được khao, theo lệ dâng 1 con lợn, 1 vò rượu, 1 mâm xôi và cau trầu để bản xã kính lễ Tiên sư. Hội Tư văn áo mũ chỉnh tề làm lễ theo nghi thức. Hội Tư văn cũng xuất 1 quan tiền cỗ và sắm 3 mâm cỗ để cho nghiêm khoán lệ” (Thuần, 2006, tr.214).

Bên cạnh đó, làng xã Việt cũng đưa ra quy định trách phạt đối với những ai mượn người đi thi hộ. Hình phạt chủ yếu tác động về mặt tinh thần và thể diện nhưng có tác dụng rất lớn trong việc áp chế những hiện tượng tiêu cực trong học hành, thi cử. Cũng trong điều lệ của làng khoa bảng Mộ Trạch cho hay: “Người nào mượn người khác đi thi thay mình, nếu may được trúng tam trường thì dù trước đây có làm dự văn hội, cũng không được dự vào giữ việc trong đình. Nay người đó lại nhờ người thi thì không được vào văn hội mà phải ra chịu việc quan” (Thuần, 2006, tr.458). Cách làm như thế nhằm đề cao tinh thần thực học mang tính công bằng để động viên con em trong làng hăng hái học tập.

Cùng với hoạt động đón rước rộn rã, nhiều làng còn dựng bia khắc tên các vị đỗ đạt làng mình bên cạnh bia vinh danh do triều đình lập ở Quốc Tử Giám. Quy định này mặc dù không được kê cứu trong hương ước nhưng trên thực tế, rất nhiều làng Việt đặc biệt là các làng khoa bảng giai đoạn này đều lập bia để nhắc nhở con em mình về tấm gương hiếu học của tiền nhân. Hệ thống Văn chỉ ở đình làng được đề cập đến trong hương ước là dấu vết và là biểu tượng cho tinh thần hiếu học và lòng tôn sư trọng đạo nơi làng quê xưa. Nhiều làng, Văn chỉ còn

là nơi khảo hạch sĩ tử trước mỗi kỳ thi, nơi đón tiếp các Tiên sĩ vinh quy trở về làng, nơi diễn ra các hoạt động tế tự, ban bố các chính sách khuyến học của Hội Tư văn... Theo đó những ai đỗ đạt đều sắp biện lễ vật đến Văn chỉ lễ Tiên thánh như bản *Quần Lương xã tục lệ* năm cuối thế kỷ XVIII giao ước: “Người nào thi đỗ bên văn từ hàng Cử nhân, bên võ từ hàng Võ cử, sắp biện 1 con lợn, 1 mâm xôi, 100 khẩu trầu, 1 bình rượu đưa đến Văn chỉ bái lễ Tiên thánh Tiên hiền” (Thor, 2021, tr. 620).

Sau những quy định về hoạt động đón rước, hương ước làng xã Việt giai đoạn này cũng rất chú trọng đến việc tổng chung sau khi người đỗ đạt tạ thế. Về cơ bản, làng sẽ cùng nhau lo liệu các nghi thức, số lượng lễ viếng được quy định khác nhau tùy quy định từng làng như: Đại thần trọng chức phúng 8 quan tiền, văn thân trọng chức phúng 7 quan tiền, văn thân đương chức phúng 5 quan tiền (Mộ Trạch - Hải Dương), ai đỗ Cử nhân viếng một đôi câu đối bằng lụa trắng cùng hương dầu; ai đỗ Tiến sĩ, Phó bảng viếng trướng văn, 2 con lợn, 2 mâm xôi, 200 khẩu trầu, 1 bình rượu (Quần Lương - Nam Định), người trúng Tiên sĩ dân phúng 1 con lợn, xôi, cau, trầu và điều phúng (Diên Lăng - Nam Định)... Nếu người đỗ đạt làm quan, lễ viếng kê cứu như bản *Đông Thủy xã tục lệ*: “Sau này, ai thuộc hàng viên chức chẳng may qua đời, bản thôn hay tin tức thời đến viếng 1 đôi câu đối bằng vải trắng treo ở phía tây, 1 bình rượu, 100 khẩu trầu hoặc 1 buồng cau cùng 5 quan tiền. Nếu hiểu chủ có lời mời bản thôn đến hành lễ thì bản thôn cũng lễ y vậy. Nay đặt lệ.” (Thor, 2021, tr. 608).

Có làng còn thờ tự người đỗ đạt ở Văn chỉ của làng như bản *Nhân Ái thôn Tư văn hội khoán ước* (Hà Tây) soạn năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) quy định rõ ba ban thờ ở Văn chỉ như sau: Ban Trung thờ người đỗ đại khoa, Ban Hữu thờ người đỗ khoa bảng, Ban Tả thờ người đỗ tiểu khoa. Hay như bản *Ngạc Nhất giáp chiếu thu tiền túc lệ bạ* soạn năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756) ghi hẳn các ngày làm lễ kỵ húy cho người đỗ đạt làm quan quá cố hằng năm, để dân làng cùng nhau lo liệu tiền, lúa chuẩn bị cho chu toàn:

“- Ngày 18 tháng 10 hằng năm, bản giáp làm lễ kỵ húy cho Tiền Đề lại và vợ ông họ Nguyễn Quý thị giỗ hậu.

- Ngày 28 tháng 11 hằng năm, bản giáp làm lễ kỵ húy cho quan Ngạc Lĩnh Nam Nguyễn Quý công và vợ Phạm Quý thị.” (Thor, 2021, tr. 560)

Việc thờ cúng người đỗ đạt là mãi mãi. Cách làm này không những tạo được vinh dự cho gia đình

người quá cố mà còn có tác động cổ vũ cho phong trào khuyến học, khuyến tài địa phương. Phương châm “quý hồ tinh” được chuyển tải một cách hiệu quả qua từng quy điều của hương ước, làm sáng bùng lên truyền thống hiếu học nơi làng quê, trở thành nét định chuẩn của thuần phong mỹ tục. Và làng xã chính là cái nôi giúp sản sinh ra những con người ưu tú, kết dựng nên bức tường thành kiên cố chống lại sự xâm lấn của thế lực thù địch trong quá khứ và những tác động văn hóa tiêu cực của xã hội hiện đại. Tinh thần khuyến học, khuyến học của làng xã Việt thực sự đã vượt lên trên mọi giá trị vật chất đời thường. Người đỗ đạt được làng “vinh danh” bằng những nghi lễ có quy mô, trang trọng đánh dấu một sự kiện trọng đại không chỉ của bản thân người đỗ đạt mà còn của cả cộng đồng.

### 3.2.5. Mời dự vào hàng lễ sinh, Hội Tư văn, xếp chỗ ngồi đình trung và nhận phần lễ biếu

Để tôn vinh những người học giỏi, đỗ đạt, làng xã Việt đưa ra nhiều quy định ưu ái như mời họ dự vào hàng lễ sinh, Hội Tư văn (tổ chức hội những người có học, quan lại về hưu, chức sắc làng xã, ăn đảm trách việc thực thi lễ nghi tế tự nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo vào các kỳ lễ hội của làng, lo liệu phần lễ hữu sự vòng đời trong làng), xếp vị trí chỗ ngồi trang trọng chốn đình trung và được nhận lễ biếu hậu. Bản *Dương Liễu xã khoán ước* (Hà Tây) soạn năm Cảnh Trị thứ 8 (1670) đưa ra quy định rất chặt chẽ ở điều 8: “Bản xã có người nào đó thi đỗ khoa trường mới được dự vào hàng lễ sinh. Nếu ai không đỗ khoa trường thì không được dự vào hàng lễ sinh. Người nào vi phạm sẽ bị phạt 1 quan tiền cổ. Không tha” (Thuân, 2006, tr. 152). Trên tinh thần này, sang thế kỷ XVII, nhiều làng đặt quy ước tương tự, điển hình như bản *Quần Lương xã tục lệ* (Nam Định) kê: “Bên văn, bên võ ai đỗ nhất nhị trường đến con cháu bậc tiên hiền, khóa sinh, thí sinh, Lý trưởng, Phó lý không phạm vào bất kỳ điều khoản nào của xã sẽ được gia nhập vào hội Tư văn. Số tiền khao vọng mỗi người mỗi khác. Nay đặt giao ước.” (Thơ, 2021, tr. 621).

Đối với việc xếp vị trí chỗ ngồi đình trung, làng xã Việt xưa phân định rất rạch ròi theo tiêu chuẩn về tuổi tác, chức tước và học vị. Thực tế cho thấy hương ước Việt phân ra ba bàn ứng với ba cấp bậc được xem là tôn quý. Do xuất phát từ nền nông nghiệp lúa nước và chịu ảnh hưởng của Nho giáo nên tinh thần “trọng xi” và “trọng sĩ” của làng xã Việt Nam được phản ánh rất rõ nét qua vị trí chỗ ngồi. Sự xuất hiện trước sau của hai khái niệm này ứng với diễn biến của trình tự lịch sử và những chuyển đổi tư tưởng của cư dân làng. Có thể thấy, nhiều làng Việt giai đoạn này nảy sinh những vướng

mắc trong tư tưởng đối với “xi” và “sĩ”, tạo ra hai thái cực tranh chấp nhau, đặt lớp hậu bối đương thời vào tình thế bị chẹt cứng, vừa không muốn rũ bỏ truyền thống cũ vừa không thể quay lưng lại tư tưởng cấp tiên của xã hội. Song tình huống nan giải ấy lại được tháo gỡ khá êm đẹp chính bằng sự thỏa thuận ngầm của những người dân trong làng. Theo đó, làng nào “trọng xi” thì các bậc lão niên ngồi bàn 1, làng nào “trọng sĩ” thì quan tước đỗ đạt ngồi bàn 1. Chỉ duy nhất ở hai bàn này mới có sự thay đổi vị trí giữa xi và sĩ, còn bàn 3 là bàn dành cho các chức dịch trong làng. Từ bàn 3 trở đi xếp vị trí cho hoàng đình, bạch đình cũng căn cứ vào tuổi tác sau mới tính đến thứ bậc cha ông. Về cơ bản, vị trí các cấp bậc làng xã Việt vào những kỳ lễ hội thường niên được phân định như sau:

- Gian giữa đình là vị trí của chủ tế.
- Gian bên phải đình là vị trí của các vị khoa trường đỗ đạt, quan chức triều đình.
- Gian bên trái đình là chỗ ngồi của các cụ thượng thọ xếp theo thứ bậc tuổi tác và các vị chức dịch của làng.

Theo đó, một số địa phương sẽ linh hoạt để điều phối vị trí chỗ ngồi, cũng trong bản *Đông Thủy xã tục lệ* năm 1705 quy định: “Văn đứng hàng Tú tài, võ từ hàng Suất đội, hàng Chánh Phó tổng chiếu theo khoa thứ và phẩm trật mà định chỗ ngồi”. (Thơ, 2021, tr. 613)

Hay: “Người già từ 90 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Tiến sĩ; 80 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Phó bảng; 70 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Cử nhân; 60 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Tú tài, Suất đội, Chánh Phó tổng; 50 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Lý dịch và người đỗ nhất nhị trường”. (Thơ, 2021, tr. 613)

Bản *Phát Lộc xã tục lệ* (Thái Bình) trong lời giáo đầu soạn năm 1726 cho hay:

Nguyên văn: 嗣後係於庭中鄉飲坐席間諸耄老翁坐於左邊上行, 官員各色坐於右邊上行, 其村項等人各以年齒次坐。

Nghĩa là: Từ nay về sau, đối với chỗ chiếu ngồi hàng hương ẩm ở đình trung, các cụ tám chín mươi tuổi sẽ ngồi ở hàng trên phía bên trái, quan viên chức sắc ngồi ở hàng trên phía bên phải, người ở các thôn sẽ theo tuổi tác định chỗ ngồi.

Riêng *Nguyễn Xá xã tục lệ* thuộc tổng Cổ Cốc, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình, lập năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755) đề xuất vị trí đình trung như sau:



Nguyên văn: 中亭位次係是深嚴之地從前只有科場諸員名。茲後再量擇貳職色各幹事者四員名同與科場諸員名列座亭中位次。凡本亭諸事例任許公同規畫以完鄉事。

Nghĩa là: Hễ là nơi thâm nghiêm thì theo lệ cũ, chỉ có các vị khoa trường. Từ nay về sau lượng chọn trong các chức sắc, cán sự 4 người cùng các vị khoa trường được sắp hàng ghé theo thứ tự chỗ ngồi ở đình trung. Phạm các việc ở bản đình theo lệ, cho người đảm nhiệm việc công cùng nhau quy hoạch để hoàn thành việc hương.

Từ vị trí chỗ ngồi này, người đỗ đạt sẽ nhận được phần lễ biếu hậu vào mỗi dịp hội hè đình đám của làng và những lúc khánh hi hữu sự của làng. Điều này được kê cứu khá tường tận và chi tiết các thức biếu trong tất cả các khoản hương ước của làng Việt bây giờ.

Điều 1 bản *Trung Định xã tục lệ* (Bắc Giang) soạn năm Cảnh Hưng thứ 15 (1754) ghi:

Nguyên văn: 例十月初一日官員色目社村長及長甲共會合 祈福事, 鷄酒古錢三陌, 芙蓉古錢二十文。至初十日官員具將在亭中, 本社共會。及十二日依行禮斯文一具, 官員一具, 科場一具。其如牛頸所該付還應分爲二官員一分, 存一分再分爲二, 科場一分, 行禮斯文一分以蒙神惠。

Nghĩa là: Lệ rằng vào ngày mùng 1 tháng 10, quan viên, sắc mục, xã thôn trưởng và trưởng giáp cùng nhau họp bàn lễ Kỳ phúc, gà rượu chuẩn giá 3 mạch tiền cổ, trâu chuẩn giá 20 văn tiền cổ. Sang ngày mùng 10 quan viên mang dụng cụ nấu xôi đến đình trung, bản xã cùng hội họp. Ngày 12 biếu lễ, hội Tư văn 1 cỗ xôi, quan viên 1 cỗ, người thuộc khoa trường 1 cỗ. Nếu có cỗ trâu nên trả lại chia phần, hai quan viên 1 phần, còn 1 phần lại chia làm 2, khoa trường 1 phần, hội Tư văn hành lễ 1 phần để tạ ơn thần.

Điều ước về nghi thức tế lễ của xã Hoa Ngạc thuộc tổng Phú Gia, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, lập ngày 14 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783) cho hay: “Lệ ngày 21 tháng 12 hằng năm, bản xã mang tiền mua lợn uống rượu. Mỗ lợn, Đương cai chia cho bản xã phần thịt má làm com. Từ bàn 2 trở lên và Đương cai thì biếu giò lợn. Mỗ lợn nên biếu Khán thủ trưởng khoa. (Thor, 2021, tr.528) hay: “Vào kỳ nhập tịch ca xướng, theo lệ có mỗ lợn. Thủ lợn kính biếu các vị khoa trường, khoan cỗ kính biếu các chức sắc và viên chủ tế, giò biếu Đương cai, mỡ biếu Lệnh trưởng. Hoặc nêu mỗ trâu, bò thì không theo lệ này. Thịt thủ biếu nha môn

bản huyện, khoan cỗ lượng chia kính biếu các vị khoa trường và các chức sắc, chủ tế, giò biếu Đương cai. Lệnh trưởng ứng tế 1 miếng thịt mỡ bằng giá là 36 văn tiền cổ. Duy bản đình có quý quan triêu đình đến dự nên nghị bản kính phần theo cách khác” (Thor, 2021, tr.650).

Đặc biệt hương ước của hai xã La Nội và Ý La lập năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752) còn đưa ra ưu ái xếp vị trí chỗ ngồi cho cả cha mẹ có con học hành chuyên cần: “Trong hai xã, có ai nuôi được hai, ba người con cần cù học hành mà thông văn lý thì được phép ngồi cùng thôn trưởng, hoặc có ai thi hội mà không đỗ Tiến sĩ thì cũng được vào Tư văn để tỏ ý khích lệ.” (Thuân, 2006, tr. 192).

Như vậy, dù chỉ là một góc chiếu ở đình, một khoan thịt rộng vài tấc, dày vài tấc... nhưng đó lại là điều ai ai cũng “thèm muốn”. Tuy nhiên song hành với việc được nhận những vinh dự ấy, người đỗ đạt phải đảm bảo yêu cầu khao vọng nghiêm ngặt của làng. Chính tâm lý ham “hư vinh” đã khiến cho người dân bao đời phải chật vật trong sự trôi buộc của vật chất. Cùng với đó, sự phân biệt giữa dân chính cư và ngụ cư đã khiến cho người dù đỗ đạt nhưng “lỡ” mang thân phận ngụ cư cũng không được xếp vị trí chỗ ngồi chốn đình trung, mà chỉ được dự vào Văn hội ứng tế của làng. Đơn cử như điều lệ soạn năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779) bản *Phát Lộc xã tục lệ* (Thái Bình) quy định:

Nguyên văn: 雖預職品中科場本別社人踪跡並不得預入坐中亭, 只許在官員次列與入文會祭。

Nghĩa là: Dù là hàng chức phẩm, đỗ đạt khoa trường nhưng vốn là người xã khác đều không được dự ngôi ở đình trung, chỉ cho vào hàng thứ 2 quan viên và vào Văn hội ứng tế.

Nhưng đây cũng là cả một sự cố gắng ưu ái cho thành phần bị xem là “tứ cố vô thân”, bị khinh thường trong suốt quá trình hình thành và phát triển của làng xã Việt. Chính cái thân phận nghèo đói, học nhân buộc họ phải rời xa bản quán mưu sinh, phải gánh vác những khoản lao dịch và sưu thuế như dân số tại thậm chí còn nặng hơn, những con người ly hương ấy phải nỗ lực gấp nhiều lần mới đỗ đạt khoa trường, nhưng lại không được làng ưng thuận xếp một góc chiếu đình trung huống gì được đón rước như dân chính cư. Quan niệm này đã làm cản trở và kìm hãm những đóng góp của những vị khách hộ trong mọi hoạt động làng xã.

Qua một số quy điều trên, ta thấy rõ tinh thần trọng học của người Việt xưa. Theo đó, trong tư tưởng

lớp lang “sĩ, nông, công, thương”, vai trò của kẻ “có chữ” rất được đề cao. Nội dung hương ước Việt giai đoạn này khắc họa chân thực và sinh động “hành trình” của Nho sĩ làng quê. Các Nho sĩ hoặc là xâm nhập vào bước đường hoạn lộ qua các kỳ thi tuyển các cấp, hoặc về làng tham gia vào Hội Tư văn, đảm nhận công vụ hành chính của làng, mở lớp dạy học. Nhìn chung, dù là con đường nào đi nữa thì các bậc Nho sĩ vẫn luôn nhận được sự tôn trọng và ngưỡng vọng của dân làng.

#### 4. KẾT LUẬN

Qua khảo cứu văn bản hương ước của làng xã Việt giai đoạn này, có thể thấy, hiếm có nơi nào người đi học nhận được nhiều ưu ái xã hội như ở Việt Nam. Người đi học được làng xã tạo mọi điều kiện thuận lợi cả về vật chất lẫn tinh thần để chuyên tâm “dùi mài kinh sử” như: không bắt làm công việc tạp dịch, miễn trừ sưu sai, hỗ trợ giấy mực và kinh phí đi thi, tặng thưởng đối với người đỗ đạt, đón tiếp người đỗ đạt vinh quy về làng, mời vào Hội Tư văn, tham gia tế tự ở đình làng và văn chỉ, phúng viếng người đỗ đạt tạ thế... Chính điều này trở thành sức hấp dẫn người dân vốn “chân lấm tay bùn” đua nhau học để thực hiện ước mơ đổi đời chính đáng, được xã hội thừa nhận. Theo đó, tạo nên tâm lý “sùng Nho trọng học” trong giai đoạn đầy biến động của lịch sử nước nhà.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nhí, N.T (chủ biên). (2010). Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập hương ước tục lệ. Nhà xuất bản Hà Nội.
- Thuần, Đ.K (chủ biên). (2006). Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Thor, Đ.T.H. (2021). Nghiên cứu văn bản hương ước Choson thế kỷ XVII - XVIII và so sánh với văn bản hương ước Việt Nam cùng thời kỳ. Nhà xuất bản Văn học.
- Tiết, L.Đ. (1998). Về hương ước lệ làng. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

Những hoạt động khuyến học của làng xã Việt thế kỷ XVII - XVIII vốn xuất phát từ đặc điểm, nhu cầu của từng làng và ước vọng của lòng dân nên rất thiết thực, không hình thức, có tác động rất lớn đối với mọi thành phần, tạo nên truyền thống hiếu học, khoa bảng. Có thể nói, những hoạt động khuyến học này kịp thời đáp ứng nhu cầu của nền giáo dục khoa cử Nho học cũng như chế độ tuyển dụng quan lại của xã hội đương thời. Theo đó, tầng lớp trí thức Nho học ở làng quê Bắc Bộ ngày càng đông đảo, mang hoài bão và tài năng đóng góp cho quê hương, đất nước. Cùng với tư tưởng xây dựng một xã hội học tập, hoạt động khuyến học của làng xã Việt qua quy điều hương ước thể hiện một trình độ tư duy cao về giáo dục đào tạo mang tầm thời đại.

Gạt qua những điều ràng buộc khao vọng nặng nề về vật chất, con em trong làng trước khi đỗ đạt bằng vàng đều phải có nghị lực và ý chí vươn lên rất lớn để vượt qua những khó khăn, cám dỗ của cuộc sống thường nhật. Họ nhận được sự hỗ trợ và cổ vũ của làng, ngày đêm dùi mài kinh sử, tích lũy kiến thức chờ khảo hạch kỳ thi Nho học với vô vàn khó khăn. Cũng chính họ đã làm nên kỳ tích khoa bảng và truyền thống hiếu học cho dòng họ, làng xã, lưu danh cùng sử sách mà các thế hệ hậu học ngày nay rất cần tiếp nối và duy trì trong công cuộc chấn hưng giáo dục nước nhà thời hội nhập.

- Viễn, Đ.V. (2018). Khuyến học ở làng xã Ninh Bình qua hương ước cổ. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, 408, 25 - 27.
- Đông Thủy xã tục lệ (Hà Nam), Vĩnh Thịnh thứ 1 (1705), AF.a10/33.
- Hậu Trạch xã tục lệ (Sơn Tây), Quang Trung thứ 2 (1789), AF. a6/25
- Nguyên Xá xã tục lệ (Thái Bình), Cảnh Hưng thứ 16 (1755), AF. a5/51.
- Phát Lộc xã tục lệ (Thái Bình), Bảo Thái thứ 7 (1726), AF. a5/14.